TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 29-8-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Chị Lê Thanh T, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Ấp P, xã C, huyện Tr, tỉnh TN. Tạm trú: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L - Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh U, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện Tr, tỉnh TN - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày:

Chị và anh U cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng năm 2015. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng tại ấp P, xã C, huyện Tr, tỉnh TN, đến tháng 07 năm 2018 thì chị về nhà mẹ ruột ở ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L sống đến nay. Đến tháng 10 năm 2018 thì vợ chồng chính thức ly thân với nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh U không biết chăm lo cho vợ con, thường xuyên đi chơi không về nhà và có quan hệ với người phụ nữ khác chị khuyên can nhiều lần nhưng anh U vẫn không thay đổi. Đến tháng 12-2018 chị có nộp đơn xin ly hôn, Tòa án mời vợ chồng ra hòa giải, anh U năn nỉ hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm về cùng chị xây dựng hạnh phúc gia đình, nên chị xin rút đơn lại. Nhưng sau đó anh U vẫn không sửa đổi mà còn đi chơi nhiều hơn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thủy I, sinh ngày 13-6-2018, hiện nay con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có mua được 01 chiếc xe Vision và 02 con bò cái mẹ và 01 con bò cái con. Tài sản chung vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thanh U trình bày: Thừa nhận lời trình bày của chị T về ngày tháng kết hôn, con chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh đi làm ăn xa lâu lâu mới về nên bỏ vợ ở nhà mẹ ruột một mình nên vợ xin ly hôn, chứ anh không có quan hệ với người phụ nữ khác mà chỉ vì anh đi phụ bán quán karaoke nên phải tiếp xúc với phụ nữ. Sau lần vợ nộp đơn xin ly hôn lần trước thì vợ chồng không có về chung sống với nhau ngày nào cả. Anh có lên xuống thăm vợ con. Thời gian sau này anh có kêu vợ về sống chung nhưng vợ không đồng ý. Cha mẹ hai bên có hòa giải cho vợ chồng nhưng vợ không đồng ý. Nguyện vọng: Anh còn thương vợ nên xin đoàn tụ.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy đinh pháp luật. Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thanh T với anh Trần Thanh U

- Về con chung: Giao cháu Trần Thủy I, sinh ngày 13-6-2018 cho chị T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Ghi nhận chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh U đến lần thứ hai nhưng anh U vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh U kết hôn năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng vào ngày 03-8-2016. Cuộc sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm, chị T cho rằng anh U có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và anh thường xuyên đi chơi không về nhà bỏ mặc vợ con không lo; nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Anh U trình bày rằng anh vẫn còn thương vợ và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, vào ngày 06-12-2018 chị T đã nộp đơn xin ly hôn một lần, anh U có hứa rằng sẽ thay đổi tính tình chăm lo cho vợ con nên chị T đã xin rút lại đơn, từ thời điểm chị T rút đơn đến nay thì anh U vẫn không có biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Hôn nhân của chị T, anh U lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh U theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Trần Thủy I, sinh ngày 13-6-2018, hiện đang sống cùng chị T. Xét cháu I vừa tròn 14 tháng 07 ngày tuổi và chị T cũng có yêu cầu được nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu I là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thanh T. Cho ly hôn giữa chị Lê Thanh T và anh Trần Thanh U.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Trần Thủy I, sinh ngày 13-6-2018 cho chị T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu

- Anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017219 ngày 12-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (chị T đã nộp đủ án phí)

5. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Chỉ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hà Như Thủy